



Lsd uit on ck - ôn thi ck

Lịch sử đảng (Trường Đại học Công nghệ thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Trong Đại hội X (2006), ĐCSVN đã đề ra chủ trương “chủ động, tích cực hội nhập quốc tế”. Anh/chị hiểu hội nhập quốc tế như thế nào? Theo Anh/Chị là sinh viên, cần phải làm gì để chủ động hội nhập quốc tế?

Hội nhập quốc tế là quá trình liên kết, gắn kết giữa các quốc gia/vùng lãnh thổ với nhau thông qua việc tham gia các tổ chức, thiết chế, cơ chế, hoạt động hợp tác quốc tế vì mục tiêu phát triển của bản thân mỗi quốc gia/vùng lãnh thổ đó và nhằm tạo thành sức mạnh tập thể giải quyết những vấn đề chung mà các bên cùng quan tâm. Hội nhập quốc tế theo đúng nghĩa đầy đủ là hội nhập trên tất cả lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. *Về bản chất*, hội nhập quốc tế chính là một hình thức phát triển cao của hợp tác quốc tế nhằm đạt được một mục tiêu hoặc lợi ích chung nào đó.

Hội nhập quốc tế hiện nay là nhiệm vụ chung của cả nước, cả xã hội. Hội nhập quốc tế toàn diện thực chất là mở rộng các lĩnh vực hợp tác, không chỉ chính trị và kinh tế đối ngoại, mà còn bao gồm an ninh quốc phòng, các lĩnh vực hợp tác chuyên ngành như khoa học-kỹ thuật, y tế, giáo dục...

Chúng ta tham gia vào môi trường quốc tế với sự chủ động trong hợp tác; tích cực trong hoạt động và trao đổi; biết điều chỉnh linh hoạt dựa vào tình hình thực tiễn chứ không có những chủ trương cứng nhắc và bảo thủ.

(Trong hội nhập quốc tế, mục tiêu cơ bản được Đảng Cộng sản Việt Nam xác định là nhằm củng cố môi trường hòa bình, tranh thủ tối đa các điều kiện quốc tế thuận lợi để phát triển đất nước nhanh và bền vững, nâng cao đời sống nhân dân; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; quảng bá hình ảnh Việt Nam, bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc; tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia, nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước; góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.)

Cần phải làm gì để chủ động hội nhập quốc tế:

Một là, thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, coi đây vừa là tiền đề, vừa là hệ quả của hội nhập kinh tế quốc tế, là giải pháp có tính quyết định để nâng cao nội lực nhằm tận dụng cơ hội trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế mới *Hai là*, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển nhanh và bền vững; thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị trong tình hình mới và thực thi các cam kết quốc tế.

Bốn là, tập trung khai thác hiệu quả các cam kết quốc tế, xây dựng các cơ chế, chính sách hợp hỗ trợ các lĩnh vực có năng lực cạnh tranh; tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực cán bộ, trình độ pháp luật quốc tế, xây dựng hàng rào kỹ thuật, biện pháp phòng vệ chủ động phù hợp.

ng nghiêm chỉnh tuân thủ các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia đi đôi với chủ động, tích cực tham gia xây dựng và tận dụng hiệu quả các quy tắc, luật lệ quốc tế và tham gia các hoạt động của cộng đồng khu vực và quốc tế; chủ động đề xuất sáng kiến, cơ chế hợp tác trên nguyên tắc cùng có lợi; củng cố và nâng cao vai trò trong cộng đồng khu vực và quốc tế, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

2. So sánh đường lối công nghiệp hoá của Đảng thời kỳ trước đổi mới và thời kỳ đổi mới.

- Đảng ta luôn luôn khẳng định công nghiệp hóa đối với nước ta là một tất yếu, khách quan. Bởi vì, công nghiệp hóa là vấn đề không mới, mà các nước tư bản chủ nghĩa đã thực hiện từ lâu, công nghiệp hóa còn được đề cập trong chủ nghĩa Mác – Lê-nin. Đồng thời, tình hình đất nước ta tồn tại nền sản xuất nhỏ lẻ, thủ công, manh mún, lạc hậu...

- Điểm xuất phát của nước ta thấp do đi lên từ nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa nên cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất của xã hội thiếu thốn và thấp kém, năng suất lao động thấp, đời sống nhân dân nghèo nàn, lạc hậu, công cuộc xây dựng bảo vệ Tổ quốc nhiều khó khăn...

- Ngay từ đầu quá trình công nghiệp hóa, Đảng ta đã xác định công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

*Sự khác nhau:

- Đường lối công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới là ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý. Ở thời kỳ đổi mới, công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa và công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường. Đặc điểm của nước ta là tồn tại nền sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, năng suất lao động thấp, cơ sở hạ tầng chưa hình thành... do đó cần phải tiến hành công nghiệp hóa. Công nghiệp hóa được hiểu quá trình thay thế lao động thủ công bằng lao động sử dụng máy móc.

Trên thế giới, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đã chuyển lao động bằng máy móc, công cụ sang giai đoạn mới là tự động hóa, điều khiển hóa, đây là quá trình hiện đại hóa. Như vậy, bối cảnh thế giới mang đến cho chúng ta nhiều cơ hội và thách thức mới. Chính vì vậy, công nghiệp hóa phải gắn với hiện đại hóa, nghĩa là chúng ta lựa chọn mô hình công nghiệp hóa theo hướng rút ngắn bằng cách kết hợp hai quá trình đó là: quá trình tuần tự (từ sử dụng lao động thủ công chuyển sang sử dụng máy móc, rồi từ sử dụng máy móc chuyển sang tự động hóa, điều khiển hóa), quá trình nhảy vọt (lĩnh vực nào đủ điều kiện thì phải hiện đại hóa ngay lập tức, phải đi trước đón đầu, hội nhập với thời đại).

- Công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới tiến hành theo mô hình nền kinh tế khép kín, hướng nội. Còn công nghiệp hóa thời kỳ đổi mới thì lấy công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển nền kinh tế thị trường giúp khai thác hiệu quả mọi nguồn lực của nền kinh tế, sử dụng chúng hiệu quả để đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta diễn ra trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế, tất yếu phải hội nhập và mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế. Hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài, thu hút công nghệ hiện đại, học hỏi kinh nghiệm quản lý tiên tiến của thế giới... sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. Hội nhập kinh tế quốc tế nhằm khai thác hiệu quả thị trường thế giới. Hội nhập quốc tế là việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

- Công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới, chủ lực thực hiện công nghiệp hóa là Nhà nước và doanh nghiệp nhà nước. Thời kỳ đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa trở thành sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế mà trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo.

- Công nghiệp hóa ở thời kỳ trước đổi mới, phương thức phân bổ nguồn lực để thực hiện công nghiệp hóa được thực hiện bằng cơ chế kế hoạch hóa tập trung của Nhà nước, theo kế hoạch của Nhà nước thông qua các chỉ tiêu pháp lệnh. Thời kỳ đổi mới, chủ yếu thực hiện bằng cơ chế kinh tế thị trường, doanh nghiệp tự hạch toán kinh tế.

- Công nghiệp hóa ở thời kỳ trước đổi mới, chủ yếu dựa vào lợi thế về lao động, tài nguyên đất đai và nguồn viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa. Công nghiệp hóa ở thời kỳ đổi mới, lấy phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững; coi phát triển khoa học và công nghệ là nền tảng, là động lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Con người là yếu tố cơ bản tham gia vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, để phát triển yếu tố con người cần đặc biệt chú trọng phát triển giáo dục, đào tạo. Nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa hiện đại hóa đòi hỏi phải đủ số lượng, cân đối về cơ cấu và trình độ, có khả năng nắm bắt và sử dụng các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới và có khả năng sáng tạo công nghệ mới. Khoa học và công nghệ có vai trò quyết định để tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao lợi thế cạnh tranh và tốc độ phát triển kinh tế. Ở nước ta, muốn đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức thì phát triển khoa học và công nghệ là yêu cầu tất yếu và bức xúc. Phải đẩy mạnh việc chọn lọc nhập công nghệ, mua sáng chế kết hợp với phát triển công nghệ nội sinh.

- Công nghiệp hóa ở thời kỳ trước đổi mới, tiến hành một cách nóng vội, giản đơn, chủ quan duy ý chí, ham làm nhanh, làm lớn, không quan tâm đến hiệu quả kinh tế xã hội. Còn ở thời kỳ đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta thực chất là nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Để thực hiện mục tiêu đó, trước hết kinh tế phải phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững. Phát triển kinh tế cũng là để thực hiện các vấn đề an sinh xã hội, vấn đề văn hóa – xã hội... vì mục tiêu phát triển con người, mọi người đều hưởng thành quả của sự phát triển.

3. Công nghiệp hóa-hiện đại hóa gắn với bảo vệ môi trường.

Theo thống kê của Bộ Tài nguyên và Môi trường, ô nhiễm nguồn nước, không khí đang lan rộng không chỉ ở các KCN, khu đô thị, mà ở cả những vùng nông thôn; đa dạng sinh học tiếp tục bị suy giảm; biến đổi khí hậu và nước biển dâng gây ra triều cường và những hậu quả khôn lường. Đây chính là kết quả của quá trình Công nghiệp hóa nhanh ở nước ta. Trước tình hình đó, ngày 15-11-2004, Bộ Chính trị có Nghị quyết 41- NQ/TW "Về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước" đã khẳng định bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa là một nội dung cơ bản của phát triển bền vững trong thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH. Năm 2005, Quốc hội đã thông qua Luật bảo vệ môi trường.

Tại Đại hội Đảng lần thứ XI, nội dung BVMT được nâng lên một tầm cao mới, gắn chặt với quá trình CNH-HĐH: "Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng và các chương trình dự án đầu tư". Một điểm mới so với Đại hội X là đưa thêm nội dung "chú trọng phát triển kinh tế xanh, thân thiện với môi trường; từng bước phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch, tiêu dùng sạch". Việc CNH-HĐH các ngành công nghiệp nặng gây ra những ảnh hưởng không thể bỏ qua với môi trường. Việc các làng nghề sản xuất tự phát, sử dụng công nghệ lạc hậu nên phần lớn đều gây ô nhiễm môi trường. CHH-HĐH sẽ kéo theo đô thị hóa, đây thực sự là sức ép lớn về môi trường trong quản lý đô thị. Song song với quá trình CNH-HĐH, chúng ta đang phải chịu những áp lực về thay đổi cấu trúc và mô hình phát triển do sự cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường ngày càng lộ rõ. Do đó, các mối quan tâm về môi trường cần được lồng ghép ngay từ quá trình ra các quyết định về phát triển kinh tế và xã hội. Có nghĩa là, cần cụ thể hóa nội dung chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng thân thiện với môi trường, tiếp cận mô hình tăng trưởng xanh đã được đề cập trong văn kiện của Đại hội Đảng lần thứ XI. Trong đó, Nhà nước cần dành sự quan tâm đặc biệt để xây dựng năng lực nội sinh nhằm sử dụng và phát triển các công nghệ tiết kiệm tài nguyên, nguyên liệu, năng lượng...; vì đây là động lực chủ yếu để thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta theo hướng phát triển bền vững. Nhà nước cũng cần sử dụng công cụ tài chính nhằm khuyến khích đầu tư vào các ngành sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng lớn, sử dụng công nghệ sạch; sản xuất và sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, các sản phẩm và bao bì không gây hại hoặc ít gây hại đến môi trường; tái chế và sử dụng các sản phẩm tái chế.

(Thực tiễn phát triển nước ta trong những năm gần đây khẳng định, chúng ta có đủ năng lực, điều kiện để chuyển đổi thành công sang mô hình phát triển bền vững. Kinh nghiệm phát triển lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông, cơ khí tự động hóa, công nghệ vật liệu cũng như việc chế tạo thành công các sản phẩm nano, những thành tựu trong công nghệ sinh học, cùng với năng lực sáng tạo trong toán học, vật lý học, hóa học... cho thấy nếu có đủ quyết tâm và cách sáng tạo, phù hợp, chúng ta sẽ nhanh chóng bước vào quỹ đạo phát triển hiện đại mà 21 quốc gia thành viên APEC, trong đó có Việt Nam đã cam kết tại Hội nghị Thượng đỉnh tại Tokyo tháng 11- 2010, về thực hiện một mô hình tăng trưởng mới, đảm bảo 5 yêu cầu: i) Tăng trưởng cân bằng; ii) Tăng trưởng an toàn; iii) Tăng trưởng bền vững; iv) Tăng trưởng dựa vào trí tuệ; v) Tăng trưởng với

lợi ích được chia sẻ công bằng cho tất cả mọi người. Đây phải trở thành điểm xuyên suốt quá trình CNH-HĐH nước ta.)

Chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng bền vững là biện pháp hữu hiệu nhất có khả năng phòng ngừa và hạn chế tối đa các tác động xấu đối với MT trong thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH. Những yếu kém, khuyết điểm trong công tác bảo vệ MT trong thời gian qua chủ yếu là do các cấp các ngành thường nặng về quan tâm tới các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế, chưa đảm bảo hài hòa, cân bằng trong phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường. Trước hết, tất cả các dự án đầu tư phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường, được Bộ hoặc Sở Tài nguyên - Môi trường thẩm định trước khi được phê duyệt. Đồng thời, tăng cường việc kiểm soát ô nhiễm tại nguồn; chú trọng quản lý chất thải, nhất là các chất thải trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ y tế. Và cần có sự chuyển biến mạnh mẽ trong toàn Đảng và toàn xã hội về nhận thức và hành động, trong chỉ đạo điều hành và đặc biệt trong tổ chức triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH, gắn với phát triển KTTT.

4. Sự quan trọng của văn hóa với sự phát triển bền vững.

Về vai trò của văn hóa đối với sự phát triển bền vững, Đảng ta xác định: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Quan điểm này được thể hiện qua mấy nội dung cơ bản sau đây:

Một là, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội.

Quan điểm này một lần nữa khẳng định vai trò của văn hóa trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc là chăm lo nền tảng tinh thần của xã hội. Thiếu nền tảng tinh thần tiến bộ và lành mạnh thì không có sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Các giá trị văn hóa tạo thành nền tảng tinh thần của xã hội vì nó được thấm nhuần trong mỗi con người và cả dân tộc. Các giá trị văn hóa được nối tiếp, trao truyền và phát huy qua các thế hệ người Việt Nam, đó là tất yếu của dòng chảy lịch sử từ quá khứ đến hiện tại và hướng đến tương lai, tương lai của những giá trị phổ quát Chân - Thiện - Mỹ. Vì vậy, chúng ta làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội để các giá trị văn hóa trở thành nền tảng tinh thần bền vững của xã hội.

Để phát triển văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, chúng ta cần phải mở rộng giao lưu quốc tế và khu vực, tiếp thu có chọn lọc cái hay, cái tiến bộ trong tinh hoa văn hóa các dân tộc khác để làm giàu thêm cho nền văn hóa dân tộc, tạo nên bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế, làm cho văn hóa Việt Nam bắt kịp sự phát triển của văn hóa nhân loại trong thời đại ngày nay và chống lại cái đã trở nên lạc hậu, lỗi thời, xa lạ với văn hóa. Đảng ta coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, nghĩa là đề cao, coi trọng nguồn lực văn hóa của sự phát triển bền vững đất nước. Hệ thống di sản văn hóa, các giá trị văn hóa là “tài sản” vô giá, vô tận cho sự phát triển kinh tế - xã hội, đó còn là cơ sở tinh thần cho sự ổn định xã hội và sự bền vững của chế độ ta. Hai là, văn hóa là mục tiêu của phát triển bền vững đất nước.

Mục tiêu tổng quát của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là xây dựng một xã hội “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” Đây cũng chính là mục tiêu của văn hóa, nếu hiểu theo nghĩa rộng nhất của văn hóa. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 xác định: Mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người. Đồng thời nêu rõ yêu cầu “tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường”, ngày nay không thể phát triển bằng mọi giá, nhất là chạy theo lợi nhuận tối đa, vì lợi ích hôm nay mà làm tổn hại đến tương lai.

Từ đổi mới đến nay, Đảng ta nhất quán tạo lập nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đó phải là nền kinh tế giải quyết hài hòa các mối quan hệ lợi ích giữa cá nhân và xã hội, giữa kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội, đảm bảo bền vững về môi trường sinh thái, tạo cơ sở nền tảng vật chất cho chủ nghĩa xã hội. Để

đạt được điều đó phải cần đến văn hóa, sự tham gia của văn hóa vào trong tổ chức và hoạt động của nền kinh tế vì mục tiêu phát triển xã hội, phát triển con người, đó chính là vai trò của văn hóa trong kinh tế, kinh tế trong văn hóa.

Văn hóa với tư cách là đời sống tinh thần xã hội, một mục tiêu đặc biệt quan trọng, vì nó là nhu cầu phong phú, vô cùng, vô tận, tinh tế của con người, nhu cầu tinh thần còn là nhu cầu nhân văn và là cứu cánh của con người, văn hóa ấy vừa đáp ứng nhu cầu của con người, xã hội tiến bộ, vừa thúc đẩy con người đạt được niềm tin, sự khác vọng hạnh phúc.

Ba là, văn hóa là động lực của sự phát triển bền vững đất nước.

Thực tế cho thấy, không ít những QG, dân tộc không giàu về tài nguyên thiên nhiên, thậm chí còn nghèo nàn và hạn hẹp nhưng lại giàu về kinh tế, kinh tế phát triển, xã hội tiến bộ chính là nhờ coi trọng yếu tố văn hóa, con người, thông qua việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài mở đường cho sự phát triển. Như vậy, nguồn lực nội sinh của sự phát triển của một đất nước thấm sâu trong văn hóa, con người. Sự phát triển của một dân tộc phải vươn tới cái mới, cái tốt, cái tiến bộ nhưng không thể tách rời, bỏ qua cội nguồn, phát triển phải vừa trên cội nguồn, cội nguồn đó của mỗi dân tộc là văn hóa. kinh nghiệm qua hơn 30 năm sự nghiệp đổi mới ở nước ta đã chứng minh rằng, ngay bản thân sự phát triển kinh tế cũng không chỉ do các nhân tố thuần túy kinh tế tạo ra, mà động lực của sự đổi mới kinh tế đó một phần quan trọng nằm trong văn hóa.

Trong điều kiện của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã tác động và làm thay đổi quan niệm về phát triển kinh tế, phát triển bền vững, phát triển không đơn thuần chỉ dựa vào điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, mặt dù yếu tố này phong phú, đa dạng nhưng đều có hạn và có thể bị khai thác cạn kiệt, mà dần dần chuyển sang yếu tố quyết định cho sự phát triển chính là trí tuệ, tri thức, thông tin, là sáng tạo và đổi mới không ngừng tạo ra những giá trị vật chất và tinh thần ngày càng cao, đáp ứng nhu cầu đa dạng của cá nhân và xã hội, đó tức là văn hóa, vai trò của VH trong phát triển, chỉ có sự tham gia của văn hóa mới đưa đến sự phát triển bền vững.

Ngày nay, nguồn lực con người, là tiềm năng sáng tạo của con người. Tiềm năng sáng tạo này nằm trong văn hóa, trí tuệ, tâm hồn, đạo đức, nhân cách của mỗi cá nhân và cộng đồng. Chỉ có nguồn lực này là vô hạn, có khả năng tái sinh và tự sinh, không bao giờ cạn kiệt, các nguồn lực khác sẽ không được sử dụng có hiệu quả nếu không có những con người đủ trí tuệ và năng lực khai thác chúng, thì các nguồn lực đó dù có phong phú, đa dạng, thì cũng không thể tham gia và phát huy tác dụng vào trong phát triển.

5. Vì sao trong thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam phải lựa chọn phương châm đối ngoại theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa là một tất yếu?

Đảng và Nhà nước luôn xác định Việt Nam là một bộ phận không thể tách rời của thế giới, gắn liền với tiến trình phát triển của thế giới. Hiểu biết sâu sắc tình hình thế giới là điều kiện không thể thiếu để xác định những mục tiêu, nhiệm vụ cho đất nước. Xa rời với sự vận động chung, tự cô lập mình với thế giới bên ngoài là những sai lầm nguy hại, có thể ảnh hưởng đến sự sinh tồn của cả dân tộc. Chính vì vậy, Đảng ta đã có những điều chỉnh kịp thời trong chính sách ngoại giao, đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng và tính tất yếu của chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại.

Đối ngoại theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa là một tất yếu vì những lý do sau.

Đầu tiên, về mặt chính trị - ngoại giao, do không nắm bắt kịp thời xu thế phát triển của thế giới mà chính sách đối ngoại của chúng ta mười năm trước đổi mới đã bộc lộ nhiều hạn chế. Việt Nam vẫn trong thế bị bao vây, bị cô lập lại bị các thế lực thù địch chống phá, cộng với các chính sách phát triển sai lầm, không phù hợp với hoàn cảnh khiến nước ta lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng.

Những biến động của tình hình thế giới tác động sâu sắc đến nhận thức và tư duy của Đảng, là cơ sở cho sự đổi mới các chính sách. Đặc biệt sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Liên Xô là bài học quý

giá cho chúng ta. Từ đây, Đảng ta nhận thức và rút kinh nghiệm, cần phải thay đổi mô hình xã hội chủ nghĩa cũ, cụ thể hơn là đổi mới chủ trương và chính sách ngoại giao sao cho hợp lí, hiệu quả.

Xuất phát từ tình hình cụ thể trong, ngoài nước và nhu cầu phát triển của nước ta, ĐHĐBTQ lần thứ VI của Đảng diễn ra vào tháng 12/1986, Đảng ta bắt đầu đã có những đổi mới sâu sắc và mang tính chiến lược về đường lối và chính sách đối ngoại, đặc biệt coi trọng đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ ngoại giao.

Với xu thế toàn cầu hóa, hội nhập là xu thế chung hiện nay, việc hợp tác đa phương trên nhiều lĩnh vực là tất yếu. Hợp tác đa phương trong các lĩnh vực văn hóa, an sinh xã hội, lao động, thông tin - truyền thông, môi trường, du lịch...được mở rộng, từ đó thúc đẩy tiến bộ xã hội, phát triển thị trường lao động và hệ thống an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo... Hội nhập khu vực và quốc tế về khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, y tế đóng vai trò quan trọng đối với việc phát triển nền khoa học, giáo dục tiên tiến, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thông tin và y tế quốc gia đáp ứng nhu cầu của người dân, tiến tới thu hẹp khoảng cách phát triển với khu vực và thế giới trong các lĩnh vực này.

Việc VN tham gia mạng lưới liên kết kinh tế đa phương đã góp từng bước mở cửa, gắn nền kinh tế và thị trường trong nước với khu vực và thế giới, tiếp thu những nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế, thu hút nguồn lực cho phát triển, tạo thêm động lực xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội

6. Vì sao ĐCSVN coi văn hóa tinh thần là nền tảng tinh thần của xã hội?

Theo Unesco: Văn hóa phản ánh và thể hiện một cách tổng quát, sống động mọi mặt của cuộc sống diễn ra trong quá khứ cũng như trong hiện tại; nó cấu thành một hệ thống các giá trị, truyền thống, thẩm mỹ và lối sống mà trên đó từng dân tộc tự khẳng định bản sắc riêng của mình.

Các giá trị nói trên tạo thành nền tảng tinh thần của xã hội vì nó được thấm nhuần trong mỗi con người và trong cả cộng đồng, được truyền lại, tiếp nối và phát huy qua các thế hệ, được vật chất hóa và khẳng định vững chắc trong cấu trúc xã hội của từng dân tộc; đồng thời, nó tác động hàng ngày đến cuộc sống, tư tưởng, tình cảm của mọi thành viên xã hội bằng môi trường xã hội – văn hóa. Tóm lại, văn hóa là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong toàn bộ lịch sử của dân tộc, nó làm nên sức sống mãnh liệt, giúp cộng đồng dân tộc vượt qua mọi khó khăn để phát triển.

Vì vậy, chúng ta chủ trương làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội để các giá trị văn hóa trở thành nền tảng tinh thần bền vững của xã hội, trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội. Đó cũng là con đường xây dựng con người mới, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh đủ sức đề kháng và đẩy lùi tiêu cực xã hội, đẩy lùi sự xâm nhập của tư tưởng văn hóa phản tiến bộ. Biện pháp tích cực là cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa,...

7. Nghệ thuật tạo bất ngờ trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968).

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968) là một trong ba đòn Tiến công chiến lược của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Nó đã gây cú “sốc đột ngột”, làm đảo lộn thế bố trí, phá vỡ kế hoạch tác chiến của Mỹ; làm rung chuyển không chỉ toàn bộ chiến trường miền Nam, mà còn gây chấn động Nhà trắng, Lầu năm góc và làm lay chuyển ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ. Tổng thống Mỹ Giôn-xon phải cách chức Bộ trưởng Quốc phòng và Tổng chỉ huy quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam Việt Nam; đồng thời, xuống thang chiến tranh, chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với Chính phủ nước VN dân chủ cộng hòa về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam tại Pa-ri. Về cá nhân, Giôn-xon tuyên bố không tham gia ứng cử Tổng thống Mỹ nhiệm kỳ thứ 2. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968) về CB đã làm phá sản chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ, mở ra khả năng và cục diện mới cho quân và dân ta thực hiện quyết chiến chiến lược “đánh cho Mỹ cút”, tiến tới “đánh cho ngụy nhào”, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc vào mùa Xuân 1975. Thắng lợi đó có nhiều nguyên nhân và để lại nhiều bài học quý. Xét về lĩnh vực quân sự, đó là bài học nghệ thuật tạo bất ngờ trên cả ba phương diện: chiến lược, nghệ thuật chiến dịch và chiến thuật.

Trước hết là sự chuẩn bị chu đáo về lực lượng và vũ khí trang bị. Đây là điều kiện tiên quyết để ta mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân với quy mô lớn trên toàn miền Nam, trong đó tập trung vào các thành phố, đô thị. Vì thế, yêu cầu đặt ra là phải có lực lượng quân sự tinh nhuệ, lực lượng đấu tranh chính trị hùng hậu, rộng khắp và khối lượng lớn vũ khí, trang thiết bị quân sự... Thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị, các sư đoàn chủ lực dự bị cơ động chiến lược (308, 304, 320, 312) được gấp rút kiện toàn về tổ chức, biên chế, trang bị, đẩy mạnh huấn luyện để sẵn sàng vào chiến trường khi có lệnh. Các trung đoàn, sư đoàn bộ binh và các đơn vị binh chủng từ nhiều nơi trên chiến trường miền Nam bí mật hành quân “ém sẵn” ở các địa bàn ven đô. Riêng khu vực Sài Gòn, Trung ương Cục quyết định giải thể Quân khu 7 và Quân khu Sài Gòn - Gia Định, thành lập “Khu trọng điểm” gồm nhiều phân khu (Tiểu đoàn mũi nhọn) được tổ chức và trang bị gọn nhẹ; trong đó, biên chế nhiều tổ, đội biệt động, đặc công, bảo đảm cho các lực lượng vừa có mũi nhọn, vừa có chiều sâu tiến công đồng loạt từ nhiều hướng vào Sài Gòn... Bên cạnh đó, việc đảm bảo lương thực, thực phẩm, vũ khí, trang bị kỹ thuật cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy (từ miền Bắc chuyển vào) được chuẩn bị hết sức chu đáo. Trong nội đô, nhiều tổ chức - cơ sở cách mạng của ta đã sử dụng các phương tiện vận tải (ô tô, xuồng máy) hợp pháp, đêm ngày bí mật chuyển lương thực, thuốc men ra vùng giải phóng và nhận súng đạn đưa về nội đô... Với chiến thuật “thiên biến vạn hóa” đó, chúng ta đã đưa một lực lượng bộ đội chủ lực cùng với khối lượng lớn vũ khí, trang bị quân sự vượt qua hệ thống trạm kiểm soát và mạng lưới mật vụ, biệt kích, thám báo chìm, nổi dày đặc của địch, vào “lót sẵn” trong nội đô. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình, táo bạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân (thậm chí có cả vợ, con của sĩ quan ngụy) trong các thành phố, thị xã đã nhiệt tình ủng hộ, che chở, đùm bọc lực lượng cách mạng. Họ bí mật đào những căn hầm chứa vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự ngay dưới nền nhà của mình; nhiều bà má, chị, em không quản gian khổ, hiểm nguy, hy sinh để vận chuyển vũ khí vào thành phố... Nhờ đó, các lực lượng của ta với đầy đủ vũ khí, trang bị đã “nằm sẵn” trong lòng thành phố, thị xã, quận lý sẵn sàng chờ lệnh nổ súng tiến công tiêu diệt địch. Những việc làm trên được khắc ghi trong sử sách là minh chứng sống động về nghệ thuật chiến tranh nhân dân Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh, mà biểu hiện cụ thể của nó là tạo bất ngờ cả về thế và lực đối với địch.

Tạo bất ngờ về thời điểm tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy. Chọn dịp Tết Nguyên Đán và thời khắc giao thừa đồng loạt nổ súng mở màn là nét đặc sắc của nghệ thuật tạo bất ngờ; bởi đây là lúc địch sơ hở và chủ quan nhất. Cân nhắc, nghiên cứu và tính toán rất kỹ, cụ thể từng chi tiết, phong tục tập quán Tết cổ truyền của dân tộc trên đất phương Nam; việc “điều binh, khiển tướng” của Quân lực Việt Nam cộng hòa từ nhiều năm trước đó, sau khi có sự thống nhất giữa cơ quan chỉ đạo tối cao và chỉ huy các chiến trường, Bộ thống soái quyết định chọn thời điểm Giao thừa là “giờ G” làm hiệu lệnh nổ súng mở màn cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân. Với sự tính toán mưu lược chu tất như vậy, nên khi ta tiến công, địch hoàn toàn bị bất ngờ, không kịp đối phó. Ngay sau khi sự kiện Tết Mậu Thân diễn ra, giới chỉ huy quân sự và học giả Mỹ cũng như phương Tây đã xác nhận: Vào những ngày Tết Mậu Thân, các đơn vị của Quân đội Việt Nam cộng hòa chỉ có một nửa quân số, khiến cho Bộ Chỉ huy Quân sự Mỹ ở Sài Gòn vô cùng lúng túng trong việc ứng phó. Từ thực tế đó, càng khẳng định: việc chọn thời điểm Tết Nguyên Đán mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân có ý nghĩa chiến lược, góp phần tạo bất ngờ về thời gian - yếu tố quan trọng làm nên thắng lợi của Xuân Mậu Thân. Vì thời gian là lực lượng.

Tạo bất ngờ về hướng và mục tiêu tiến công chủ yếu. Vào thời điểm trước cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, địch còn rất mạnh cả về thế và lực, nên chúng ta không thể sử dụng toàn bộ lực lượng chủ lực để đánh vào các thành phố lớn. Do vậy, chủ trương của Đảng ta là căng, kéo, lừa địch trải lực lượng ra khắp chiến trường miền Nam, nhất là đến địa bàn có lợi để dùng những quả đấm mạnh đánh những đòn tiêu diệt lớn, bẻ gãy các cuộc hành quân “tìm diệt” của chúng. Thực hiện chủ trương đó, cuối năm 1967, Quân ủy Trung ương quyết định mở chiến dịch tiến công Đường 9 - Khe Sanh², nhằm dụ quân Mỹ lên để giam chân và tiêu diệt

chúng tại đó, tạo ra kẽ hở, điểm yếu ở các đô thị. Trong khi đó, giới chức chỉ huy quân sự Mỹ và Sài Gòn cho rằng bộ đội chủ lực ta có rất ít kinh nghiệm tác chiến trong thành phố, lực chưa đủ mạnh để tiến công vào các cơ quan đầu não của chúng; bởi, đây là những mục tiêu được canh phòng cẩn mật, với hệ thống thiết bị cảnh giới tinh vi, hỏa lực ngăn chặn mạnh và dày đặc nhiều tầng, nhiều lớp. Từ đánh giá sai về ta, lại “tuyệt đối hóa” sức mạnh của vũ khí, thiết bị chiến trường, nên từ chỉ huy đến binh sĩ của quân đội Mỹ cũng như quân đội nguy chủ quan, mất cảnh giác. Do vậy, chọn đô thị là hướng tiến công chủ yếu là ta đã chọn đánh vào điểm yếu hèn, hiểm yếu của kẻ thù. Đòn hiểm đó đã phơi bày sự thất bại về quân sự và sự yếu kém của Mỹ và chính quyền nguy. Lần đầu tiên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chúng ta đã đưa được chiến tranh vào đô thị, thực hiện một đòn đánh hiểm, đánh đau vào “trung tâm đầu não” của địch; đồng thời, khẳng định: với đường lối chiến tranh nhân dân đúng đắn, sáng tạo của Đảng thì mọi điều đều có thể xảy ra, dù khó khăn, phức tạp đến mấy. Đó chính là tư duy chiến lược, chiến thuật của những bộ não chỉ huy và trực tiếp điều hành chiến tranh thời đại HCM; sự sáng tạo, độc đáo, vượt trước của Đảng ta trong cuộc đấu mưu, đấu trí sinh tử với kẻ thù. Sau thảm bại trong Tết Mậu Thân, với tâm trạng hoang mang, dao động, nhiều giới chức quân sự và chính khách Mỹ đã tự hỏi: Tại sao nửa triệu lính Mỹ và hơn 70 vạn lính Nam VN cộng tác, có ưu thế hoàn toàn trên không và ngoài biển, được cung cấp quá đầy đủ và được trang bị những vũ khí hiện đại nhất lại không có khả năng BV được thành phố khỏi bị đối phương tấn công! Chính nội dung câu hỏi đã lộ rõ và thừa nhận về sự bị động và bất ngờ của quân Mỹ - lực lượng đóng vai trò chủ chốt trong chiến lược “chiến tranh cục bộ”.

Ngoài ra, nét độc đáo về nghệ thuật tạo bất ngờ trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân còn được thể hiện ở cách thức phát hiệu lệnh tiến công. Để bảo đảm bí mật, bất ngờ tuyệt đối, hiệu lệnh khởi phát cuộc Tổng tiến công Tết của ta được ấn định vào thời điểm giao thừa, lúc Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc thơ chúc mừng năm mới trên Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam, một phương tiện thông tin đại chúng, có độ lan tỏa rộng, nhanh và ít bị địch chế áp, theo dõi. Vì thế, Lời chúc Tết Mậu Thân của Bác trở thành một sự kiện gây bất ngờ đối với quân thù. Như vậy, hiệu lệnh của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân cũng thực sự là một hiện tượng thật đặc sắc, góp thêm một bất ngờ nữa đối với Mỹ và Quân đội Sài Gòn.

Tóm lại, nghệ thuật tạo bất ngờ đối với Mỹ và QĐVNCH thực sự là một trong những nhân tố đóng vai trò quyết định thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân. Đây là “sản phẩm đặc biệt” của tầm cao trí tuệ và bản lĩnh VN thời đại HCM; nét đặc sắc đáng ghi nhớ nhất, hấp dẫn nhất của sự kiện Tết Mậu Thân đã diễn ra cách đây 45 năm, trong hoàn cảnh hết sức đặc biệt. Bài học kinh nghiệm về nghệ thuật tạo bất ngờ trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968) nói riêng, trong KC chống Mỹ, cứu nước nói chung, vẫn mãi giữ nguyên giá trị để chúng ta tiếp tục nghiên cứu, vận dụng trong sự nghiệp BVTQ hiện nay.

Câu 1: Đường lối và sự chỉ đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ (1945-1954)?

Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ được đề ra ngay từ đầu cuộc kháng chiến và không ngừng được bổ sung hoàn chỉnh trong quá trình tiến hành kháng chiến.

Đường lối kháng chiến được thể hiện rõ trong nhiều văn kiện quan trọng của Đảng: bắt đầu từ bản Chỉ thị về Kháng chiến kiến quốc (25-11-1945), tiếp đến là Công việc khẩn cấp bây giờ (tháng 10-1946), Chỉ thị Toàn dân kháng chiến (12-12-1946) và Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-12-1946). Giữa năm 1947, Tổng Bí thư Trường Chinh đã viết một loạt bài báo nhằm hướng dẫn việc thực hiện đường lối của Đảng, những bài viết này được tập hợp thành cuốn sách Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi, tác phẩm Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi đã thể hiện những quan điểm cơ bản về đường lối kháng chiến của Đảng, đó là đường lối: "toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính" đưa cuộc kháng chiến của nhân dân ta đi đến thắng lợi. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (tháng 2-1951) tổng kết

5 năm kháng chiến đã bổ sung và phát triển đường lối kháng chiến khi KC đã phá thế bị bao vây và đế quốc Mỹ can thiệp sâu vào ch/tr Đông Dương. Về cơ bản, đường lối chung của cuộc KC tập trung một số ND:

+) Về mục đích KC: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ là sự kế thừa và phát triển thành quả Cách mạng Tháng Tám nhằm đánh đổ thực dân Pháp XL, giành thống nhất, độc lập hoàn toàn.

+) Tính chất của cuộc kháng chiến: Đảng khẳng định đây là cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân, chiến tranh chính nghĩa, nó có tính chất toàn dân, toàn diện, lâu dài. Là cuộc chiến vì tự do, độc lập, dân chủ và hòa bình có tính chất dân tộc giải phóng và dân chủ mới. Đảng chủ trương liên hiệp với dân tộc Pháp, đoàn kết với Miên, Lào và các dân tộc yêu chuộng tự do, hoà bình.

+) Chương trình và nhiệm vụ kháng chiến: Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trên cơ sở xác định rõ đối tượng của cách mạng Việt Nam là chủ nghĩa đế quốc và thế lực phong kiến, đặc biệt, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (tháng 2-1951) đã chỉ rõ kẻ thù cụ thể trước mắt của cách mạng Việt Nam là đế quốc Pháp, kẻ thù nguy hiểm là đế quốc Mỹ, kẻ thù phụ là các thế lực phong kiến. Lúc này là phong kiến phản động, từ đó đề ra nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam: Đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, làm cho Việt Nam hoàn toàn thống nhất và độc lập.

- Xoá bỏ những di tích PK và nửa PK làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân.

- Gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội.

- Động lực của cách mạng Việt Nam là nhân dân, chủ yếu là công, nông.

- LDCMVN là giai cấp công nhân. Nông dân là bạn đồng minh "lớn mạnh và chắc chắn" của giai cấp công nhân.

+) Phương châm kháng chiến: Đảng chủ trương tiến hành chiến tranh nhân dân, thực hiện "kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính".

Trong đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng, điều cốt lõi nhất và cơ bản nhất là chiến lược toàn dân kháng chiến. Đảng tổ chức cả nước thành một mặt trận, tạo nên thế trận cả nước đánh giặc, phát huy sức mạnh của toàn dân và khối đoàn kết toàn DT tham gia kháng chiến với những biện pháp đa dạng phong phú, phù hợp. Chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang với ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích. Từ chiến tranh du kích phát triển lên chiến tranh chính quy, kết hợp du kích chiến với vận động chiến.

Để phát huy sức mạnh tổng hợp của cuộc KC, Đảng chủ trương kháng chiến toàn diện, tức là tiến hành tiến công địch trên tất cả các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá, ngoại giao tạo thành sức mạnh tổng hợp.

+) Về chính trị, phải đoàn kết toàn dân chống Pháp xâm lược, phải thống nhất toàn dân, làm cho mặt trận dân tộc thống nhất ngày càng vững chắc và rộng rãi. Phải củng cố chế độ cộng hoà dân chủ, xây dựng bộ máy KC vững mạnh, cô lập kẻ thù, kéo thêm nhiều bạn, làm cho nhân dân Pháp và nhân dân các thuộc địa Pháp tích cực ủng hộ ta, chống lại thực dân phản động Pháp. Coi trọng xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền nhà nước và Mặt trận dân tộc thống nhất vững mạnh. Thống nhất Việt Minh, Liên Việt thành mặt trận Liên Việt (1951).

+) Về quân sự, triệt để dùng "du kích vận động chiến", tiến công địch ở khắp nơi, vừa đánh địch vừa XD LL; tản cư ND ra xa vùng chiến sự. XD căn cứ địa KC và hậu phương vững mạnh. Chủ động làm thất bại các kế hoạch chiến tranh lớn của địch, phối hợp chặt chẽ các chiến trường với sự LĐ, chỉ đạo tập trung thống nhất.

+) Về kinh tế, xây dựng nền kinh tế kháng chiến theo nguyên tắc vừa kháng chiến vừa kiến quốc, toàn dân tăng gia sản xuất, tự túc tự cấp về mọi mặt; ra sức phá kinh tế địch không cho chúng thực hiện mưu đồ lấy chiến tranh nuôi chiến tranh. Kinh tế kháng chiến về hình thức là kinh tế chiến tranh, về nội dung là dân chủ mới, chú trọng phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp và công nghiệp. Phát triển các thành phần kinh tế, từng bước thực hiện chính sách ruộng đất đối với nông dân (giảm tô và cải cách ruộng đất). Phát triển kinh tế quốc doanh, gây mầm cho chủ nghĩa xã hội.

+) Về văn hoá, thực hiện hai nhiệm vụ: xoá bỏ nền văn hoá nô dịch ngu dân, xâm lược của thực dân Pháp và xây dựng nền văn hoá dân chủ mới, dựa trên ba nguyên tắc: dân tộc hoá, khoa học hoá, đại chúng hoá. Phát

triển giáo dục, đào tạo các bậc phổ thông trung học chuyên nghiệp và đại học. Tiến hành cải cách giáo dục. Phát triển văn học, nghệ thuật, coi văn nghệ là một mặt trận và văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận này.

+) Về đấu tranh ngoại giao, triệt để cô lập kẻ thù, tranh thủ thêm nhiều bầu bạn, làm cho nhân dân thế giới kể cả nhân dân Pháp hiểu, tán thành và ủng hộ cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân Việt Nam. Tranh thủ sự ủng hộ giúp đỡ về mọi mặt trận các nước xã hội chủ nghĩa nhất là Liên Xô, Trung Quốc.

Kháng chiến lâu dài: Xuất phát từ sự so sánh lực lượng, ban đầu địch mạnh, ta yếu nên Đảng chủ trương đánh lâu dài. Vừa đánh vừa xây dựng phát triển lực lượng, đồng thời tích cực tiêu hao, tiêu diệt địch để so sánh lực lượng sẽ dần có lợi cho ta và ta sẽ chuyển từ yếu thành mạnh, tiến tới đánh thắng kẻ thù. Song, Đảng khẳng định đánh lâu dài nhưng phải tạo thế chủ động phát triển thế và lực, tạo thời cơ giành thắng lợi quyết định.

Dựa vào sức mình là chính: là dựa vào sức lực của nhân dân, vào đường lối đúng đắn của Đảng, vào các điều kiện thiên thời, địa lợi, nhân hoà của đất nước, đồng thời ra sức tranh thủ sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ quốc tế để chiến thắng kẻ thù.

Đường lối kháng chiến của Đảng là sự kế thừa và nâng lên tầm cao mới tư tưởng quân sự truyền thống của dân tộc, là sự vận dụng lý luận chiến tranh cách mạng của chủ nghĩa Mác Lênin và kinh nghiệm nước ngoài vào điều kiện Việt Nam. Đường lối đó là ngọn cờ dẫn dắt và là động lực chính trị tinh thần đưa quân và dân ta tiến lên chiến đấu và chiến thắng thực dân Pháp xâm lược.

Với đường lối kháng chiến đúng đắn của Đảng, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ ngày càng phát triển và giành thắng lợi về vang. Sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường, Nhà nước dân chủ nhân dân ngày càng vững mạnh, mặt trận Việt Minh, Liên Việt và các đoàn thể cách mạng đã tập hợp rộng rãi khối đại đoàn kết dân tộc. Kinh tế, văn hóa, giáo dục phát triển và có nhiều thành công. Ngoại giao từng bước phá thế bị bao vây, tranh thủ được sự ủng hộ mọi mặt của bè bạn trên thế giới. Đặc biệt, trên mặt trận quân sự, quân đội và nhân dân Việt Nam đã lần lượt đánh bại các kế hoạch chiến tranh lớn của thực dân Pháp, buộc thực dân Pháp ký Hiệp định Giơ-ne-vơ, chấm dứt chiến tranh, rút quân Pháp về nước. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, tiến lên chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân vì mục tiêu giành độc lập, thắng lợi hoàn toàn.

Câu 2: Sự phát triển đường lối và khái quát quá trình chỉ đạo thực hiện của Đảng trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)?

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bền bỉ và anh dũng của nhân dân Việt Nam đã giành được thắng lợi, buộc chúng phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ (7/1954), công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

Thế nhưng, sau ngày Hiệp định được ký kết, đế quốc Mỹ đã gạt thực dân Pháp, trực tiếp viện trợ và giúp chính quyền Sài Gòn xây dựng quân đội, hòng biến miền Nam nước ta thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ, chia cắt lâu dài Việt Nam, ngăn chặn ảnh hưởng của CNXH xuống Đông Nam Á, răn đe phong trào GPDT đang trên đà phát triển. Đất nước ta bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, GPDT, thống nhất đất nước qua chặng đường dài 21 năm (1954-1975), với vô vàn gian khổ, hy sinh, khó khăn, phức tạp.

Để giành thắng lợi trong cuộc chiến đấu chống lại đế quốc Mỹ - một kẻ thù có tiềm lực mạnh về kinh tế, quân sự đứng đầu phe chủ nghĩa đế quốc cùng với bè lũ tay sai, trên cơ sở đánh giá đúng bản chất, âm mưu và hành động của kẻ thù; đánh giá lực lượng so sánh đôi bên với quan điểm cách mạng và khoa học; bám sát diễn biến thực tế của tình hình chiến trường trong nước, khu vực và thế giới; vững tin vào lòng yêu nước và sức mạnh to lớn của nhân dân, Đảng ta đã đề ra đường lối chiến tranh nhân dân để lãnh đạo, chỉ đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta tiến hành sự nghiệp giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất Tổ quốc. Đường lối này của Đảng không ngừng được bổ sung, ngày càng hoàn chỉnh, là nhân tố quyết định trực tiếp thắng lợi của cuộc

kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đường lối chiến tranh nhân dân trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là quá trình hình thành, bổ sung, phát triển và hoàn chỉnh qua các Đại hội, Hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị từ năm 1954 đến năm 1975.

Khi cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta kết thúc, đế quốc Mỹ đã từng bước thực hiện âm mưu xâm lược nước ta. Trước tình hình đó, tại Hội nghị Trung ương 6 khóa II (6/1954) Đảng ta đã xác định: Kẻ thù chính của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới và đang trở thành kẻ thù chính, trực tiếp của nhân dân Đông Dương là đế quốc Mỹ. Về sách lược CM, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận định: Do tình hình mới, ta thay đổi phương châm, chính sách và sách lược đấu tranh để thực hiện một cách thuận lợi mục đích trước mắt.

Đến tháng 9 năm 1954, Nghị quyết của Bộ Chính trị về tình hình mới, nhiệm vụ mới và chính sách mới của Đảng đã chỉ ra những đặc điểm chủ yếu của tình hình trong lúc cách mạng Việt Nam bước vào một giai đoạn mới: từ chiến tranh chuyển sang hoà bình; nước nhà tạm chia làm hai miền; từ nông thôn chuyển vào thành thị; từ phân tán chuyển đến tập trung. Trong điều kiện đó, Hội nghị Trung ương 7 khóa II (3-1955) và Trung ương 8 khóa II (8-1955) đã xác định phương hướng, nhiệm vụ của cuộc chiến tranh: “Muốn chống đế quốc Mỹ và tay sai, củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất hoàn thành độc lập và dân chủ, điều cốt lõi là phải ra sức củng cố miền Bắc, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam”.

Tiếp đến Hội nghị Trung ương 13 khóa II (12-1957) của Đảng xác định đường lối tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng: “Tiến hành cách mạng XHCN ở miền Bắc và giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước”.

Cuối năm 1958 đầu năm 1959, Mỹ - Diệm tiến hành chính sách cai trị tàn bạo, phát xít hóa, đàn áp khốc liệt phong trào cách mạng ở miền Nam. Thực tiễn đòi hỏi nhân dân miền Nam phải vùng lên đấu tranh với kẻ thù. Trước tình hình đó, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II tổ chức Hội nghị Trung ương 15 (1 - 1959) họp bàn về cách mạng miền Nam. Nghị quyết phân tích rõ tính chất, mâu thuẫn trong xã hội miền Nam. Từ đó, xác định rõ lực lượng cách mạng, kẻ thù, nhiệm vụ của cách mạng miền Nam; xác định phương pháp cách mạng và con đường mới; dự kiến về khả năng phát triển của tình hình, xây dựng mặt trận để tập hợp rộng rãi tất cả các lực lượng chống đế quốc và tay sai, khẳng định sự tồn tại và trưởng thành của Đảng bộ miền Nam là yếu tố quyết định giành thắng lợi của cách mạng miền Nam.

Đại hội đại biểu lần thứ III (9-1960) của Đảng diễn ra trong hoàn cảnh đất nước vẫn tạm thời chia làm hai miền, mỗi miền có một chế độ chính trị khác nhau. Miền Bắc quá độ lên xã hội chủ nghĩa, miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân để tiến tới thống nhất đất nước. Đại hội xác định đường lối chung của cách mạng Việt Nam: “Tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hoà bình, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, thiết thực góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa và bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và thế giới”.

Nhiệm vụ chiến lược: Cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện tại có hai nhiệm vụ chiến lược. Một là, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Hai là, giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

Mục tiêu chiến lược: Nhiệm vụ cách mạng ở miền Bắc và nhiệm vụ cách mạng ở miền Nam thuộc hai chiến lược khác nhau, mỗi nhiệm vụ nhằm giải quyết yêu cầu cụ thể của mỗi miền trong hoàn cảnh nước nhà tạm bị chia cắt. Hai nhiệm vụ đó lại nhằm giải quyết mâu thuẫn chung của cả nước giữa nhân dân ta với đế quốc Mỹ và bọn tay sai của chúng, thực hiện mục tiêu chung trước mắt là hoà bình, thống nhất Tổ quốc.

Từ đầu năm 1965, để cứu vãn nguy cơ sụp đổ của chế độ Sài Gòn và sự phá sản của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, đế quốc Mỹ đã ào ạt đưa quân Mỹ và quân các nước chư hầu vào miền Nam, tiến hành cuộc “Ch/tr

cục bộ” với quy mô lớn; đồng thời dùng không quân, hải quân tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc. Trước tình hình đó, Hội nghị Trung ương 11 (3-1965) và Hội nghị Trung ương 12 (12-1965) đã phân tích âm mưu, bản chất của đế quốc Mỹ, đã đánh giá so sánh lực lượng giữa ta và địch, đi tới kết luận: Mặc dù đế quốc Mỹ đưa vào miền Nam hàng chục vạn quân viễn chinh, lực lượng so sánh giữa ta và địch không thay đổi lớn. Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định quyết tâm và nhiệm vụ chung của cả nước lúc này là: Kiên quyết giữ vững thế chiến lược tiến công, động viên lực lượng cả nước, quyết tâm đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ. Tập trung lực lượng cả nước, kết hợp đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị đánh bại đế quốc Mỹ và bẻ gãy tay sai trên chiến trường chính là miền Nam.

Đối với chiến trường chính miền Nam, Nghị quyết xác định phương châm chiến lược là đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn, đồng thời hết sức tranh thủ sự giúp đỡ, ủng hộ của quốc tế.

Đối với miền Bắc, phải đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ, bảo vệ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phải tích cực đề phòng để đánh địch trong trường hợp chúng liều lĩnh mở rộng chiến tranh cục bộ ra cả nước. Thực hiện chuyển hướng xây dựng kinh tế, bảo đảm tiếp tục xây dựng miền Bắc vững mạnh về kinh tế và quốc phòng trong điều kiện có chiến tranh phá hoại. Động viên sức người, sức của ở mức cao nhất để chi viện đắc lực cho cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam.

Trước những thất bại liên tiếp của địch trên chiến trường, Đảng ta chủ trương: Cùng với các mũi tiến công quân sự và chính trị, cần mở thêm mặt trận tiến công ngoại giao, nhằm tố cáo, vạch trần thủ đoạn hòa bình kiểu lừa bịp của đế quốc Mỹ. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 13 (khóa III) (tháng 01 - 1967) quyết định triệt để tận dụng thời cơ, *mở mặt trận ngoại giao*, kết hợp chặt chẽ với đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị nhằm đưa cuộc kháng chiến lên bước phát triển mới.

Sau khi Hiệp định Pari được ký (1 - 1973), địch tiến hành nhiều hoạt động lấn chiếm và phá hoại Hiệp định. Trước tình hình đó, tháng 7-1973, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 21, khóa III họp và ra Nghị quyết lịch sử: "Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới"; Hội nghị xác định: "con đường của cách mạng miền Nam là con đường cách mạng bạo lực, bất kể trong tình huống nào phải nắm vững thời cơ, giữ vững chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt".

Hội nghị Bộ Chính trị (đợt 1) bàn về chủ trương giải phóng hoàn toàn miền Nam (10 - 1974), và Hội nghị Bộ Chính trị (đợt 2) (từ ngày 8 - 12 - 1974 đến ngày 7 - 1 - 1975), chỉ rõ: Nắm vững thời cơ lịch sử, mở nhiều chiến dịch tổng hợp liên tiếp, đánh những trận quyết định, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, tiến tới Tổng tiến công và nổi dậy, thắng địch tại sào huyệt quan trọng nhất của chúng là Sài Gòn.

Như vậy, đường lối chiến tranh nhân dân trong thời kỳ KC chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) là quá trình hình thành, bổ sung, phát triển và hoàn chỉnh qua các Hội nghị và Đại hội của Đảng từ năm 1954 đến năm 1975, đó là đường lối chiến tranh toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính, và được tập trung trên những nội dung chủ yếu: Xác định mục đích, đối tượng, nhiệm vụ chiến tranh là đánh thắng đế quốc Mỹ và bẻ gãy tay sai, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc; về chủ trương phát huy sức mạnh tổng hợp hai miền Nam, Bắc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; và chủ trương tiến hành phương thức tiến hành chiến tranh nhân dân với đặc trưng nổi bật kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự và đấu tranh ngoại giao; kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy, kết hợp đánh lớn, đánh vừa và đánh nhỏ, thực hiện làm chủ để tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để làm chủ; tiến lên thực hiện tổng tiến công và nổi dậy để giành thắng lợi cuối cùng, cả nước hòa bình, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội. Đường lối chiến tranh độc đáo, sáng tạo đó là sự kết hợp nhuần nhuyễn và vận dụng sáng tạo nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng HCM về chiến tranh cách mạng với truyền thống và tinh hoa về nghệ thuật đánh giặc, giữ nước của tổ tiên và những

kinh nghiệm về nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh của các nước XHCN và của TG. Đó cũng là nhân tố có ý nghĩa quyết định trực tiếp giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước của ND ta trong thế kỷ XX.

Câu 3: Đặc điểm, ý nghĩa thắng lợi và những kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975).

***Đặc điểm lãnh đạo của Đảng trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 -1975):**

- +) Sớm nhận rõ kẻ thù, đánh giá đúng tương quan lực lượng giữa ta và địch, có chủ trương phù hợp với từng thời điểm, từng giai đoạn cụ thể, đánh bại từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.
- +) Giải quyết tốt mối quan hệ và đề ra đường lối chiến lược, nhiệm vụ cách mạng của hai miền Nam, Bắc và nhiệm vụ cách mạng của cả nước, tạo ra sức mạnh to lớn để đánh thắng kẻ thù.
- +) Giữ vững độc lập, tự chủ, đồng thời thực hiện đường lối đối ngoại mềm dẻo, tăng cường đoàn kết và tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của bạn bè quốc tế, phát huy sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại.

***Ý nghĩa thắng lợi:**

Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược, 30 năm chiến tranh cách mạng, 117 năm chống đế quốc xâm lược, quét sạch quân xâm lược, giành lại nền độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ cho đất nước.

Đã kết thúc thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc, kỷ nguyên cả nước hòa bình, thống nhất, cùng chung một nhiệm vụ chiến lược, đi lên chủ nghĩa xã hội; làm tăng thêm sức mạnh vật chất tinh thần, thể và lực cho cách mạng và dân tộc Việt Nam, nâng cao uy tín của Đảng và dân tộc trên trường quốc tế; nâng cao khí phách, niềm tự hào và để những kinh nghiệm quý cho sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

Làm thất bại âm mưu và thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc tiến công vào chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới; đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn nhất, dài ngày nhất của chủ nghĩa đế quốc kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, làm phá sản các chiến lược chiến tranh thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ và tác động đến nội tình nước Mỹ; làm suy yếu trận địa của chủ nghĩa đế quốc, phá vỡ một phòng tuyến quan trọng của chúng ở khu vực Đông Nam Á, mở ra sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân mới, cổ vũ phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình thế giới.

Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12-1976) đã khẳng định: “*Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc*”.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước như Đại hội lần thứ IV của Đảng đã khẳng định: là sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, của bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam.

***Kinh nghiệm:**

Một là, giương cao ngọn cờ ĐLDT và CNXH nhằm huy động sức mạnh toàn dân đánh Mỹ, cả nước đánh Mỹ.

Hai là, tìm ra phương pháp đấu tranh đúng đắn, sáng tạo, thực hiện khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh nhân dân, sử dụng phương pháp cách mạng tổng hợp.

Ba là, phải có công tác tổ chức chiến đấu giỏi của các cấp bộ Đảng và các cấp chỉ huy quân đội, thực hiện giành thắng lợi từng bước đến thắng lợi hoàn toàn.

Bốn là, hết sức coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng cách mạng ở miền Nam và tổ chức xây dựng lực lượng chiến đấu trong cả nước, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của quốc tế.

Hạn chế của Đảng trong chỉ đạo thực tiễn: có thời điểm đánh giá so sánh lực lượng giữa ta và địch chưa thật đầy đủ và còn có những biểu hiện nóng vội, chủ quan, duy ý chí trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Câu 4: Cách mạng xã hội chủ nghĩa và những thành quả XD chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc 1954-1975?

1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc năm 1954 - 1975

Sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, nhân dân ta bắt tay vào xây dựng, khôi phục kinh tế - văn hóa, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong khi đó ở miền Nam, đế quốc Mỹ phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ, hất chân thực dân Pháp, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của chúng. Nhiệm vụ của Đảng ta trong giai đoạn này hết sức nặng nề, đó là phải lãnh đạo cách mạng Việt Nam tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược gồm CMDTDCND ở miền Nam và CMXHCN ở miền Bắc.

Đảng ta đã lãnh đạo toàn dân nêu cao quyết tâm đánh Mỹ, thực hiện đường lối chiến tranh nhân dân bằng tầm cao khoa học và nghệ thuật.

Với một đế quốc hùng mạnh bậc nhất thế giới, Đảng ta chủ trương đánh lâu dài; kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và hoạt động binh vận; kết hợp tiến công và nổi dậy, tiến hành đấu tranh trên cả ba vùng (đồng bằng, thành thị và miền núi); kết hợp mặt trận quân sự, chính trị với mặt trận ngoại giao; phát huy cao độ chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng; phát huy sức mạnh đại oàn kết toàn dân tộc và sức mạnh thời đại. Bằng đường lối lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt và tinh thần đấu tranh anh dũng, kiên cường, bất khuất, bất chấp mọi gian khổ hy sinh của nhân dân ta, cùng với sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh tàn bạo của đế quốc Mỹ, giành nhiều thắng lợi vẻ vang mà đỉnh cao là chiến dịch HCM lịch sử, kết thúc 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Đây là một trong những trang chói lọi nhất của lịch sử dân tộc, là một sự kiện có tầm quốc tế và có tính thời đại sâu sắc.

Song song với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng đã lãnh đạo nhân dân miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế - xã hội, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Sau 21 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Bắc đã giành được những thành tựu quan trọng, chuẩn bị cơ sở vật chất, kỹ thuật ban đầu cho chủ nghĩa xã hội; vừa sản xuất, vừa chiến đấu và chi viện sức người, sức của, hoàn thành vai trò hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn miền Nam.

2. Những thành quả xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc năm 1954 – 1975

**Những thành tựu cơ bản:*

Mặc dù miền Bắc bước vào thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội trước ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng 21 năm song thời gian xây dựng thực sự trong hòa bình chỉ có 8 năm, còn phần lớn thời gian trải qua hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ và khôi phục kinh tế, khắc phục hậu quả chiến tranh. Tuy vậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân miền Bắc đã đạt được những thành tựu rất đáng tự hào.

Thành tựu to lớn nhất và có ý nghĩa lịch sử nhất là đã xóa bỏ chế độ người bóc lột người. Xác lập được 1 cách phổ biến chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức: sở hữu tập thể và sở hữu toàn dân. Thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa đã giữ được vị trí then chốt và có vai trò quyết định trong nền kinh tế quốc dân.

Cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa XH được xây dựng một bước theo hướng tiến lên nền sản xuất hiện đại. Cùng với công cuộc cải tạo và xây dựng nền kinh tế mới, cơ cấu giai cấp xã hội miền Bắc cũng đã thay đổi căn bản. Các giai cấp bóc lột đã bị xóa bỏ.

Nhân dân lao động bao gồm công nhân, nông dân tập thể, trí thức xã hội chủ nghĩa và các tầng lớp lao động xã hội trở thành người chủ tập thể của chế độ mới. Đó là động lực to lớn trong công cuộc xây dựng cuộc sống mới, là nguồn sức mạnh hùng hậu của hậu phương lớn.

Câu 5: Nội dung Đường lối toàn diện của Đại hội VI (12-1986) và quá trình thực hiện.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI và thực hiện đường lối đổi mới toàn diện.

Đại hội VI của Đảng diễn ra tại Hà Nội, từ ngày 15 đến ngày 18-12-1986, trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học-kỹ thuật đang phát triển mạnh, xu thế đối thoại trên thế giới đang dần thay thế xu thế đối đầu. Đổi mới đã trở thành xu thế của thời đại. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đều tiến hành cải tổ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Việt Nam đang bị các đế quốc và thế lực thù địch bao vây, cấm vận và ở tình trạng khủng hoảng kinh tế-xã hội. Lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng đều khan hiếm; lạm phát tăng 300% năm 1985 lên 774% năm 1986. Các hiện tượng tiêu cực, vi phạm pháp luật, vượt biên trái phép diễn ra khá phổ biến. Đổi mới đã trở thành đòi hỏi bức thiết của tình hình đất nước.

Đường lối đổi mới toàn diện do Đại hội VI đề ra thể hiện trên các lĩnh vực nổi bật:

Đại hội đã nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá thành tựu, nghiêm túc kiểm điểm, chỉ rõ những sai lầm, khuyết điểm của Đảng trong thời kỳ 1975-1986.

Đó là những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện. Khuynh hướng tư tưởng chủ yếu của những sai lầm, khuyết điểm đó, đặc biệt là trên lĩnh vực KT là bệnh chủ quan duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội, chạy theo nguyện vọng chủ quan. Đó là tư tưởng tiểu tư sản, vừa “tả” khuynh vừa hữu khuynh. Nguyên nhân của mọi nguyên nhân bắt nguồn từ những khuyết điểm trong hoạt động tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ của Đảng. Đại hội rút ra bốn bài học quý báu:

Một là, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”.

Hai là, Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.

Ba là, phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

Bốn là, chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm với một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện nhất quán chính sách phát triển nhiều thành phần kinh tế. Đổi mới cơ chế quản lý, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, hành chính, bao cấp chuyển sang hạch toán, kinh doanh, kết hợp kế hoạch với thị trường. Nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là: Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy; bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý, trong đó đặc biệt chú trọng ba chương trình kinh tế lớn là lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, coi đó là sự cụ thể hóa nội dung công nghiệp hoá trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ.

Thực hiện cải tạo XHCN thường xuyên với hình thức, bước đi thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp và LLSX phát triển. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, giải quyết cho được những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông. Xây dựng và tổ chức thực hiện một cách thiết thực, có hiệu quả các chính sách xã hội.

Bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh. Năm phương hướng lớn phát triển kinh tế là: Bố trí lại cơ cấu sản xuất; điều chỉnh cơ cấu đầu tư xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế; đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, phát huy mạnh mẽ động lực khoa học kỹ thuật; mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

Đại hội VI nhấn mạnh: “Tư tưởng chỉ đạo của kế hoạch và các chính sách kinh tế là giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa”.

Đại hội khẳng định, chính sách xã hội bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người, cần có chính sách cơ bản, lâu dài, xác định được những nhiệm vụ, phù hợp với yêu cầu, khả năng trong chặng đường đầu tiên. Bốn nhóm chính sách xã hội là: Kế hoạch hóa dân số, giải quyết việc làm cho người lao động.

Thực hiện công bằng xã hội, bảo đảm an toàn xã hội, khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi lĩnh vực xã hội. Chăm lo đáp ứng các nhu cầu giáo dục, văn hóa, bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân. Xây dựng chính sách bảo trợ xã hội.

Đề cao cảnh giác, tăng cường khả năng quốc phòng và an ninh của đất nước, quyết đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, bảo đảm chủ động trong mọi tình huống để bảo vệ Tổ quốc.

Đối ngoại góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, tăng cường tình hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa; bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới. Kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, phấn đấu giữ vững hoà bình ở Đông Dương, Đông Nam Á và trên thế giới, tăng cường quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông Dương, quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng cần phải đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, đổi mới công tác tư tưởng; đổi mới công tác cán bộ và phong cách làm việc, giữ vững các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng; tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng. Đảng cần phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”; tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước là điều kiện tất yếu để huy động lực lượng của quần chúng.

Sau Đại hội VI, công cuộc đổi mới được triển khai mạnh mẽ. Nhưng tình hình diễn biến phức tạp, có lúc khó khăn tưởng chừng khó vượt qua: ba năm liền lạm phát ở mức ba con số; đời sống của những người hưởng lương và trợ cấp xã hội giảm sút mạnh; nhiều xí nghiệp quốc doanh và hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp đình đốn, thua lỗ, sản xuất cầm chừng, thậm chí phải đóng cửa; hàng chục vạn công nhân buộc phải rời xí nghiệp; hàng vạn giáo viên phải bỏ nghề; những vụ đổ vỡ quỹ tín dụng xảy ra ở nhiều nơi. Những diễn biến quốc tế phức tạp tác động xấu đến tình hình nước ta.

Trong hoàn cảnh đó, Đảng, NN và ND ta đã tỏ rõ bản lĩnh vững vàng, ra sức khắc phục khó khăn, giữ vững ổn định c/trị, giải quyết những vấn đề KT-XH cấp bách, từng bước đưa Nghị quyết Đại hội VI vào cuộc sống.

Đầu năm 1988 có nạn đói lớn ở nhiều vùng và lạm phát còn ở mức 393,8%, nhưng từ năm 1989 trở đi nước ta đã bắt đầu xuất khẩu được mỗi năm 1 - 1,5 triệu tấn gạo; lạm phát giảm dần, đến năm 1990 còn 67,4%. Việc thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn đạt những tiến bộ rõ rệt. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bước đầu hình thành. Đời sống của ND được cải thiện, dân chủ trong xã hội được phát huy. Quốc phòng, an ninh được giữ vững; hoạt động đối ngoại được mở rộng, đẩy lùi tình trạng bị bao vây, cô lập. Công tác XD Đảng có tiến bộ. Lòng tin của ND từng bước được khôi phục.

Tuy vậy, những kết quả đạt được còn hạn chế và chưa vững chắc, nhiều vấn đề bức xúc nảy sinh. Đại hội VII của Đảng nhận định: Công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng, nhưng nước ta vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Câu 6: Vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp đổi mới, CNH-HĐH đất nước và hội nhập quốc tế?

Nhìn lại 49 năm, sau ngày đất nước thống nhất (1975-2024), từ thực tiễn lịch sử, nhất là trong LĐ công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước, Đảng càng thấm nhuần sâu sắc và vận dụng sáng tạo các bài học, kinh nghiệm rút ra từ công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Sau ngày thống nhất, cả nước bước vào công cuộc xây dựng CNXH, phải đối diện với những thách thức, khó khăn gay gắt cả trong nước, khu vực và trên trường quốc tế. Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội là nhiệm vụ nặng nề của Đảng. Trong quá trình lãnh đạo, tuy đã có được những thành tựu quan trọng, song cũng bộc lộ những hạn chế, yếu kém, thậm chí sai lầm, khuyết điểm. Thực tế đó đòi hỏi Đảng phải chú trọng nắm bắt đặc điểm, thực tiễn của đất nước, đổi mới tư duy lý luận, khắc phục bệnh giáo điều, chủ quan, duy ý chí, nóng vội

để nhận thức và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan, những đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đường lối đổi mới của Đảng tại Đại hội VI (12-1986) đã được hoạch định trên cơ sở đó.

Đặc biệt, vào thập kỉ 90 của thế kỉ XX, trong bối cảnh quốc tế hết sức phức tạp và tình hình đất nước có muôn vàn khó khăn, nhất là sau sự kiện chế độ XHCN ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, các thế lực thù địch không ngừng chống phá, Đảng kiên định mục tiêu mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn, giữ vững vai trò lãnh đạo, chèo lái con thuyền cách mạng vượt qua sóng gió, tiếp tục tiến lên, tiến hành công cuộc đổi mới đạt nhiều thành tựu quan trọng. Đảng đã kiên trì lãnh đạo và từng bước bổ sung, hoàn thiện đường lối đổi mới, thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội tại Đại hội VII (6-1991) và bổ sung Cương lĩnh 1991 tại Đại hội XI của Đảng (1-2011). Trên cơ sở đó, bước đầu hình thành một hệ thống các quan điểm và nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới, khai phá con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với thực tế của đất nước. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (1-2016) khẳng định quyết tâm tiếp tục sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đây là kết quả của một quá trình trải qua, tìm tòi, tổng kết, đổi mới tư duy lý luận nhận thức đúng đắn hơn về thực tiễn CM VN của Đảng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, công cuộc đổi mới ở Việt Nam đạt được những thành tựu to lớn và rất quan trọng, đã làm biến đổi và phát triển đất nước cả về chính trị, kinh tế, xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, nâng cao và khẳng định vị thế của đất nước trong đời sống ch/trị, kinh tế của thế giới.

Trên lĩnh vực kinh tế, đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội, kinh tế tăng trưởng tương đối nhanh và ổn định, cơ sở vật chất-kỹ thuật được tăng cường, đời sống của nhân dân không ngừng được cải thiện. Tăng trưởng kinh tế trung bình hàng năm đạt gần 7%. Tái cơ cấu nền kinh tế đạt kết quả bước đầu. Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 200 USD năm 1990 lên 2.200 USD năm 2015 và 2.587 USD năm 2018. Hình thành một số ngành KT mũi nhọn: dầu khí, dệt may, da giày, thủy hải sản, lương thực, cây công nghiệp, lắp ráp linh kiện điện tử... Giải quyết vững chắc vấn đề lương thực. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước được hình thành. Kinh tế Việt Nam hội nhập mạnh mẽ với khu vực và thế giới. Hiện nay, Việt Nam có quan hệ thương mại với hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ, ký hiệp định thương mại song phương với hơn 100 nước, trong đó có 20 hiệp định thế hệ mới.

Về đối ngoại, Việt Nam đã phá thế bao vây, cấm vận, mở rộng quan hệ đối ngoại theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa; giữ vững độc lập chủ quyền quốc gia. Bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc (năm 1991), Hoa Kỳ (năm 1995); gia nhập ASEAN (năm 1995); gia nhập WTO (năm 2006); mở rộng quan hệ hợp tác với hầu hết các nước lớn như: Trung Quốc, Nga, Ấn Độ và các nước tư bản phát triển: Mỹ, Nhật, Anh, Pháp, Đức, Ý ...; ký kết Hiệp ước chiến lược và Hiệp ước toàn diện với nhiều nước trên thế giới. Từng bước giải quyết hòa bình các vấn đề biên giới, lãnh thổ biển, đảo với các nước liên quan. Đồng thời, tăng cường đàm phán, ký kết các Hiệp ước Thương mại tự do với ASEAN, EU, Mỹ, ... Tranh thủ ODA, thu hút FDI, mở rộng thị trường ngoài nước, chủ động hội nhập quốc tế.

Về văn hóa, xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân được cải thiện rõ rệt. Văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống nhân dân được cải thiện một bước. Chú trọng xây dựng văn hóa và phát triển con người Việt Nam phát triển toàn diện. Công tác giải quyết việc làm và xóa đói, giảm nghèo đạt được những kết quả tốt: tỷ lệ nghèo đói giảm từ 53% năm 1993 xuống còn 6% năm 2015. Đến nay, Việt Nam đã cơ bản hoàn thành các mục tiêu Thiên niên kỷ do Liên Hợp quốc đề ra.

Về xây dựng hệ thống chính trị, việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân đã đạt được những kết quả bước đầu. Quốc hội đẩy mạnh xây dựng luật pháp. Nền hành chính quốc gia được cải cách một bước. Quốc hội đã từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động theo hình thức nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Bộ máy Chính phủ và chính quyền địa phương

được kiện toàn một bước. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên từng bước đổi mới về tổ chức và phương thức hoạt động cho phù hợp với tình hình mới.

Về quốc phòng - an ninh, thành tựu cơ bản, bao trùm là giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa, cơ bản giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ củng cố an ninh, quốc phòng với chống "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ; vô hiệu hóa hoạt động của các đối tượng phản động trong và ngoài nước lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo, nhân quyền để gây mất ổn định. Chú trọng xây dựng, phát triển tiềm lực quốc phòng, an ninh của đất nước; xây dựng lực lượng vũ trang, đặc biệt là quân đội và công an theo hướng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; xây dựng được thế trận QP toàn dân gắn với thế trận ANND.

Về công tác xây dựng Đảng, trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch tấn công toàn diện vào Đảng và chế độ chính trị của đất nước, Đảng vẫn vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Từng bước nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, thống nhất tư tưởng trên những vấn đề cơ bản của công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong điều kiện mới; đấu tranh bảo vệ quan điểm, đường lối đúng đắn; phê phán các quan điểm sai trái đòi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, dân chủ cực đoan, phủ nhận thành tựu của quá khứ... Thực hiện có hiệu quả cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và tầm trí tuệ của Đảng. Đảng lãnh đạo, cầm quyền thông qua Nhà nước và hệ thống chính trị. Hệ thống tổ chức của Đảng và Nhà nước từng bước được kiện toàn theo hướng tinh gọn, giảm bớt đầu mối trung gian. Đến năm 2015, đội ngũ của Đảng đã lên tới 4 triệu đảng viên trong tổng số hơn 90 triệu dân. Tiến hành đổi mới công tác cán bộ trên cơ sở lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị làm thước đo phẩm chất, năng lực của cán bộ; bước đầu đổi mới phương thức lãnh đạo trên cơ sở coi trọng lãnh đạo thể chế hóa nghị quyết, lãnh đạo xây dựng luật và pháp lệnh, khắc phục tình trạng áp đặt, bao biện, làm thay.

Hơn 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới, hướng tới mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, ĐCSVN ngày càng trưởng thành và có thêm kinh nghiệm LĐ XD và BV đất nước trong hoàn cảnh mới. Những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử của đất nước sau 44 năm thống nhất càng khẳng định vai trò LĐ xuất sắc của Đảng và minh chứng rõ ràng *Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của CM VN*.